

Bản án số: 58/2025/HC-PT

Ngày: 17-01-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 444/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về: “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính và tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** ông Trần Hữu T – sinh năm: 1941 và bà Huỳnh Thị K – sinh năm: 1942. Cùng thường trú tại tổ B phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Cao Đ - sinh năm: 1961; địa chỉ: số K N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân quận N, TP Đà Nẵng

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, TP Đà Nẵng

Địa chỉ: số 486 đường Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai N – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trần Văn T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Lâm Thùy K1 – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kế hoạch.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Trần Hữu T, bà Huỳnh Thị K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Vợ chồng ông T, bà K là chủ sở hữu diện tích đất là 1.537m² trong đó: đất ở đô thị là: 1.170m² và đất trồng cây lâu năm: 367m²; thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 135 địa chỉ cũ tại tổ A phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng, được UBND quận N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AG 956324 cấp ngày 31/12/2006.

Thực hiện chủ trương của UBND thành phố Đ, UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất của gia đình tôi để giao đất cho Sở Xây dựng thành phố Đ quản lý sử dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, bố trí tái định cư và lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống HTKT Khu tái định cư Khái Tây 2 của UBND quận N. Theo đó đã thu hồi 795,0m², còn lại là 566m², sau đó gia đình tôi chuyển nhượng lại 100,10m² đất cho bà Trần Thị H, gia đình tôi đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận chính lý biến động vào trang 4 của GCNQSD đất và đã xác định diện tích đất còn lại là 456,80m² vào ngày 02/07/2017. Tuy nhiên hiện nay thực tế gia đình tôi đang sử dụng chỉ còn lại 332,4m² thiếu mất 126,4m². Mặc dù nhà nước thu hồi đất để làm dự án từ năm 2012 nhưng không xây dựng, đến năm 2022, khi nhà nước tiến hành xây dựng dự án và xây công thoát nước vào diện tích đất còn lại của gia đình tôi đang rào chắn để sử dụng thì gia đình tôi mới biết diện tích đất còn lại của mình đang bị thiếu so với Giấy CNQSD đất nên đã làm đơn khiếu nại vào ngày 11/3/2022 đến UBND quận N, UBND quận đã thụ lý giải quyết khiếu nại nhưng sau đó vào ngày 26/4/2022 Chủ tịch UBND đã ra Quyết định số 1241/QĐ không giải quyết khiếu nại.

Nay yêu cầu Tòa án tuyên: hủy Quyết định số 1241/QĐ ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N, TP Đà Nẵng về thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao nhiệm vụ xác minh và Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại.

Hành vi không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 126,4m² do ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K đang sử dụng lại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 163 phường H, quận N là trái pháp luật, buộc chấm dứt hành vi trên.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ban Q, có văn bản trình bày:*

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Ban Q (Ban Quản lý) có nhận được Thông báo số 213/TB- TA ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc bổ sung và xác định lại tư cách người tham gia tố tụng, yêu cầu Ban Quản lý có văn bản ghi ý kiến về việc giải quyết vụ án kèm các tài liệu, chứng cứ (nếu có). Thực hiện yêu cầu của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ban Quản lý (trước đây là Ban Q) với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xin thông tin như sau:

Theo hồ sơ do Ban GPMB quận N cung cấp: Hộ ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K, có hồ sơ giải tỏa một phần để thực hiện dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3), tại tổ A phường H, quận N, tổng diện tích đất sử dụng là 986,9m²; tổng diện tích đất thu hồi là 538,7m² (thửa 2, tờ bản đồ số 163), do Công ty TNHH MTV X thực hiện. UBND quận N đã ban hành Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2009 và Quyết định số 1454/QĐ- UBND ngày 22 tháng 10 năm 2012 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2009 về việc thu hồi đất, giao đất cho Sở Xây dựng thành phố Đ quản lý sử dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, bố trí tái định cư và lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống HTKT Khu tái định cư Khái Tây 2 của UBND quận N, đối với khu đất có diện tích 538,7m² do ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K sử dụng tại thửa 2, tờ bản đồ số 163, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Dự án Khu tái định cư Khái Tây 2 đã được Chủ tịch UBND thành phố đổi tên thành dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3) tại Quyết định số 8237/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2012. Công ty TNHH MTV X đã lập hồ sơ về việc kiểm định bồi thường thiệt hại do Nhà nước thu hồi đất vào ngày 06 tháng 10 năm 2010, lập bổ sung ngày 22 tháng 8 năm 2012; trình phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư đối với hộ ông Trần Hữu T (trên đất có tài sản của ông Nguyễn Văn Đ1). Hộ ông Trần Hữu T, bà Huỳnh Thị K đã nhận tiền đền bù, nhận các lô đất tái định cư và đã bàn giao mặt bằng ngày 05 tháng 12 năm 2013.

Ngày 08 tháng 01 năm 2015, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND về việc phê duyệt chuyển giao nhiệm vụ điều hành một số dự án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Theo đó, Ban Q (nay là Ban Q) tiếp nhận nhiệm vụ điều hành dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3) từ Công ty X. Đồng thời, theo Quyết định số 4858/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Đ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, chủ đầu tư dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3) là Ban Q.

Từ năm 2015, sau khi nhận chuyển giao nhiệm vụ điều hành dự án, căn cứ các quy hoạch được duyệt đối với dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3), Ban Q đã đề nghị UBND quận N, Trung tâm phát triển quỹ đất (nay là Ban Giải phóng mặt bằng quận N) tiếp tục thực hiện công tác giải tỏa đền bù và bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Trên cơ sở mặt bằng đã giải tỏa do Ban Giải phóng mặt bằng quận N bàn giao, Ban Quản lý đã triển khai thi công các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt. Dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3) đã được triển khai thi công từ tháng 7 năm 2010. Phần diện tích đất giải tỏa của hộ ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 163, phường H, quận N thuộc phân khu B2.7 của dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3). Hộ ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K đã bàn giao mặt bằng từ năm 2013, nhưng do mặt bằng không liên tục nên Nhà thầu chưa thi công tại khu vực này. Hiện nay, công trình đã được thi công hoàn thành tại các khu vực có mặt bằng (trừ phạm vi thửa đất của hộ ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K), đang dừng thi công do vướng giải tỏa (dự án còn vướng giải tỏa 83 hồ sơ). Ban Quản lý sẽ tiếp tục triển khai thi công các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế đã được duyệt, khi được bàn giao mặt bằng. Vậy, Ban Q thông tin như trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1241/QĐ ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND quận N, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao nhiệm vụ xác minh và Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 126,4m² do ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K đang sử dụng lại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 163 phường H, quận N là trái pháp luật, buộc chấm dứt hành vi trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 15/9/2024, người khởi kiện ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở, không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T và bà K không khiếu nại đối với các Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 và Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 22/10/2012 của UBND quận N về thu hồi đất và diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án Khu tái định cư B mở rộng (giai đoạn 3).

[2] Theo sơ đồ được vẽ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà K thể hiện: tính theo hướng đường M nhìn vào thì thửa đất có chiều dài bên trái là 59,33m và chiều dài bên phải là: $49,78+16,00 = 65,78\text{m}$. Thửa đất được thu hồi một phần diện tích đất mặt tiền và một phần diện tích đất phía sau. Qua xem xét sơ đồ thu hồi đất (bút lục 191) và sơ đồ được vẽ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T (bút lục 147) thấy: tính theo hướng đường M nhìn vào thì tổng chiều dài của phần diện tích đất bị thu hồi (cả phần trước và sau) phía bên trái là: 37,04m và tổng chiều dài của diện tích đất bị thu hồi phía bên phải là 43,30m. Thửa đất sau khi bị thu hồi còn lại chiều dài phía bên trái là 22,29m và bên phải là 22,48m. Trung tâm K2 đo đạc thực tế diện tích đất hiện tại vợ chồng ông T đang sử dụng đã xác định chiều dài thửa đất bên phải là 22,40m và bên trái là 22,49m. Như vậy, so với sơ đồ được vẽ trong Giấy chứng nhận đất của ông T không bị thiếu. Thửa đất có chiều ngang cố định về ranh giới không bị xê dịch từ trước đến nay. Hồ sơ thu hồi đất của ông T được đo vẽ rõ ràng có chiều dài và chiều rộng và có diện tích thu hồi $538,7\text{m}^2$ là chính xác. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không chỉ được diện tích đất 126m^2 mà cho rằng UBND đã thu hồi nhưng không ra quyết định đang nằm ở đâu trên thực địa. Diện tích đất ông T rào chắn lại không cho xây dựng dự án nằm trong phần diện tích đất đã được thu hồi (theo sơ đồ thu hồi đất). Vì vậy, không có căn cứ xác định 126m^2 của gia đình ông T đã bị thu hồi mà cơ quan có thẩm quyền không ra quyết định thu hồi đất.

[3] Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà K yêu cầu Tòa án tuyên hành vi không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất $126,4\text{m}^2$ do ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K đang sử dụng tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 163 phường H, quận N là trái pháp luật, buộc chấm dứt hành vi trên là có căn cứ.

[4] Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T và bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T và bà K phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K;

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

3. Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Hữu T và bà Huỳnh Thị K phải chịu 300.000đ, đã nộp tại Biên lai số 0003805 ngày 23/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LÊ TỰ